

Số: /2022/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**Dự thảo**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về xây dựng dự toán và cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước**

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán và cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về xây dựng dự toán và cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước. Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 25, 26, 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học và công nghệ theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn áp dụng quy định tại Thông tư này và các quy định đặc thù (nếu có).

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn vốn khác được khuyến khích áp dụng quy định của Thông tư này.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. “Đơn vị quản lý kinh phí” là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ giao quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. “Đơn vị quản lý nhiệm vụ” là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp quản lý nhiệm vụ.

3. “Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” là tổng thời gian thực hiện các nội dung công việc của nhiệm vụ theo thuyết minh cộng thêm 06 tháng sau khi kết thúc các công việc theo thuyết minh để hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp thời gian để hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí nhiệm vụ cần kéo dài trên 06 tháng thì người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét, quyết định.

4. “Dự án khoa học và công nghệ” là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

5. “Dự án sản xuất thử nghiệm” là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

6. “Giai đoạn sản xuất lô số không” là hoạt động sản xuất thử trên hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm hoàn thiện, ổn định công nghệ, sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt.

7. “Chuyên gia” là người có khả năng, năng lực phù hợp được hội đồng hoặc cơ quan quản lý xin ý kiến tư vấn hoặc được tổ chức chủ trì thuê để phối hợp, thực hiện những công việc cụ thể trong nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định trong thuyết minh nhiệm vụ và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. “Nhiệm vụ không hoàn thành” là nhiệm vụ bị đình chỉ trong quá trình thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ do sai phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ; hoặc là nhiệm vụ được tổ chức chủ trì chủ động xin dừng trong quá trình thực hiện; hoặc là nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý nhiệm vụ đánh giá “Không đạt”.

## CHƯƠNG II

### QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

#### **Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hệ số lao động khoa học của từng chức danh**

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm:

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;
- d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông).

2. Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học ( $H_{CD}$ )
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thành viên thực hiện chính Thư ký khoa học	0,8
3	Thành viên	0,4
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

3. Dự toán chi thù lao cho các chức danh

a) Dự toán chi thù lao cho các chức danh được thuyết minh theo từng nhóm nội dung công việc và theo từng nhóm chức danh

b) Dự toán chi thù lao cho nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo công thức sau:

$$T_{CD} = H_{CD} * DM_{CN} * S_t$$

Trong đó:

$T_{CD}$ : Tổng thù lao của nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

$H_{CD}$ : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 2 Điều này;

$DM_{CN}$ : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của Bộ Tài chính;

$S_t$ : Số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

c) Trường hợp không quy đổi đủ tháng, dự toán chi thù lao chi nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo công thức sau:

$$T_{CD} = H_{CD} * (DM_{CN}/22) * S_n$$

Trong đó:

$T_{CD}$ : Tổng thù lao của nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

$H_{CD}$ : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 2 Điều này;

$DM_{CN}/22$ : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của Bộ Tài chính chia cho 22 ngày

$S_n$ : Số ngày quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

#### **Điều 4. Thuê chuyên gia phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Các trường hợp được thuê chuyên gia phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có các vấn đề nghiên cứu cần giải quyết mà chủ nhiệm và các thành viên thực hiện nhiệm vụ không đủ năng lực đảm nhận.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có các nội dung nghiên cứu cần phải sử dụng những bí quyết, công nghệ có tính độc quyền phải có chuyên gia được tổ chức, cá nhân sở hữu bí quyết, công nghệ đó giao hoặc ủy quyền hướng dẫn, đào tạo, chuyển giao cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc thuê chuyên gia phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ảnh hưởng quyết định tới khả năng hoàn thành và đạt được các kết quả, sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ.

2. Chỉ thuê chuyên gia nước ngoài trong trường hợp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không lựa chọn được chuyên gia trong nước đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Định mức kinh phí thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được dự toán thuê chuyên gia vượt định mức do Bộ Tài chính ban hành phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc có vai trò chiến lược đối với việc nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ trong phạm vi cấp quản lý;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của quốc gia hoặc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

5. Trên cơ sở yêu cầu nội dung công việc và kết quả dự kiến đạt được, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thuyết minh rõ sự cần thiết của việc thuê chuyên gia và dự toán kinh phí thù lao theo kết quả thương thảo với chuyên gia để hội đồng tư vấn xem xét, đánh giá và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 5. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với dự án khoa học và công nghệ**

1. Đối với dự án sản xuất thử nghiệm:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo dự án sản xuất thử nghiệm được duyệt:

- Tối đa 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí);

- Tối đa đến 50% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, dự án triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Đối với dự án sản xuất các sản phẩm quốc gia; sản phẩm theo công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ được đổi mới; sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% thù lao thực hiện dự án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các chức danh nghiên cứu và chuyên gia trực tiếp thực hiện nội dung nghiên cứu hoàn thiện các quy trình công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ, xây dựng các phần mềm máy tính; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích theo dự án loại này trong quá trình thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ; tối đa 50% đối với các dự án loại này trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

### **CHƯƠNG III**

## **QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ KHOẢN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**Điều 6. Tiêu chí xác định phương thức khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng

Nhiệm vụ được thực hiện theo phương thức khoản chi đến sản phẩm cuối cùng khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhiệm vụ được tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ thuyết minh và đề xuất thực hiện phương thức khoản chi đến sản phẩm cuối cùng;

b) Sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ đã được xác định rõ tên sản phẩm cụ thể; chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được; số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra; địa chỉ ứng dụng;

c) Nhiệm vụ có tổng dự toán nguồn ngân sách nhà nước đối với các nội dung quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều này phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu chiếm không quá 15% tổng dự toán nguồn ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ và không quá 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng);

d) Được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ xem xét và đề xuất khoản chi đến sản phẩm cuối cùng;

đ) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí.

2. Các nhiệm vụ không đủ điều kiện khoản chi đến sản phẩm cuối cùng thì thực hiện theo phương thức khoản chi từng phần.

3. Trong nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoản chi từng phần, các phần công việc được giao khoán bao gồm:

a) Tiền thù lao trực tiếp, gồm: thù lao cho các chức danh nghiên cứu; thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ.

b) Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Hội thảo khoa học, công tác trong nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

d) Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

đ) Điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

e) Mua nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, vật tư, phụ tùng, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ hoạt động nghiên cứu đã được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

g) Mua tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo; mẫu vật, dịch vụ thuê ngoài (không quá 100 triệu đồng); văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu.

h) Các công việc khác liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ và không thuộc các phần công việc quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Các phần công việc không được giao khoán bao gồm:

a) Mua nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, vật liệu (vật liệu, hóa chất), phụ tùng, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ hoạt động nghiên cứu chưa được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Mua mẫu vật, dịch vụ thuê ngoài trên 100 triệu đồng.

c) Sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, bao gồm:

- Mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu.

- Thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu.

- Khấu hao tài sản cố định.

- Sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu.

d) Đoàn ra.

5. Căn cứ thuyết minh và dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đối chiếu với các tiêu chí xác định phương thức khoán chi và các nội dung chi được giao khoán quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, tổ chức chủ trì đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần, trong đó xác định rõ phần công việc khoán và phần công việc không khoán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

#### **Điều 7. Kiểm soát việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước**

Đơn vị quản lý kinh phí có trách nhiệm kiểm soát chi đối với việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì theo hướng dẫn của Bộ Tài chính trên cơ sở khối lượng nội dung công việc hoàn thành được đơn vị quản lý nhiệm vụ xác nhận.

### **CHƯƠNG IV**

#### **XỬ LÝ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHÔNG HOÀN THÀNH VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN NHIỆM VỤ**

##### **Điều 8. Xử lý đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành**

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác định nhiệm vụ không hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, tổ chức chủ trì lập báo cáo chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện (nội dung hoạt động và sử dụng kinh phí); xác định rõ các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức chủ trì, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc nhiệm vụ không hoàn thành.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ căn cứ kết quả kiểm tra, xác định nguyên nhân để ra quyết định xử lý, hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

##### **Điều 9. Chế tài xử lý đối với nhiệm vụ không hoàn thành**

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước trong vòng tối đa là 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ ban hành quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước. Tổ chức chủ trì chưa thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính và thư ký khoa học tham gia thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức chủ trì chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí cho ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

### **Điều 10. Quy định về công khai thông tin nhiệm vụ**

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm công khai tài chính theo quy định hiện hành, đồng thời có trách nhiệm công khai về nội dung thực hiện nhiệm vụ (trừ các nhiệm vụ có nội dung cần bảo mật, do cơ quan có thẩm quyền quy định) theo quy định cụ thể như sau:

#### 1. Công khai tại tổ chức chủ trì:

##### a) Nội dung công khai:

- Tên nhiệm vụ;
- Tên chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- Mục tiêu của nhiệm vụ;
- Các nội dung nghiên cứu chính phải thực hiện;
- Thời gian thực hiện, phương thức khoán chi (đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần);
- Tổng số kinh phí thực hiện; kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Các sản phẩm của nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận;
- Quyết toán kinh phí thực chi theo các nội dung chi chủ yếu; danh sách và mức thù lao thực nhận của các thành viên tham gia thực hiện;
- Tổng kinh phí tiết kiệm; phương án phân chia kinh phí tiết kiệm.

##### b) Phương thức công khai: Niêm yết tại trụ sở của tổ chức chủ trì.

c) Thời gian công khai: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và việc công khai phải được duy trì trong suốt thời gian thực hiện. Riêng về quyết toán kinh phí sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu và công nhận, kinh phí tiết kiệm phải thực hiện công khai ngay sau khi được nghiệm thu, quyết toán và được duy trì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhiệm vụ được nghiệm thu.

#### 2. Công khai ngoài phạm vi tổ chức chủ trì:

##### a) Nội dung công khai:

- Tên nhiệm vụ;
- Tên chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính và thư ký khoa học;
- Mục tiêu của nhiệm vụ;
- Các nội dung nghiên cứu chính phải thực hiện;
- Thời gian thực hiện, phương thức khoán chi;



- Tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ;
- Các sản phẩm của nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận.

b) Phương thức công khai: Trên trang thông tin điện tử của tổ chức chủ trì hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ.

c) Thời gian công khai: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải thực hiện công khai. Đối với các sản phẩm của nhiệm vụ phải được công khai ngay sau khi nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, công nhận kết quả và được duy trì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, công nhận kết quả.

## CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Xây dựng dự toán và cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước được hướng dẫn tại Thông tư này và Thông tư số ... ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ Tài chính quy định ...

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Các nội dung sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư liên tịch 22/2011/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí.

b) Các **Điều 1, Điều 2, Điều 4, Điều 6, Khoản 1 Điều 7, Khoản 2 Điều 7, Khoản 3 Điều 7, Điều 9, Điều 17, Điều 18** Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện KSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, KHTC (..... bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**